



Review Article

Impacts of the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership on the Improvement of Vietnam's Intellectual Property Law

Nguyen Thi Que Anh*, Nguyen Bich Thao

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 05 August 2019

Revised 15 September 2019; Accepted 19 September 2019

Abstract: The Intellectual Property (IP) Chapter in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) imposes many new obligations on Vietnam, which requires an overhaul of Vietnam's intellectual property law in order to implement the IP provisions in this Agreement. This article analyzes the IP provisions in CPTPP, compares them with the current Vietnamese law and the newly adopted amended Law on Intellectual Property by the National Assembly on June 14, 2019 to identify the provisions compatible with the requirements of CPTPP and those in need of further amendment and supplement.

Keywords: CPTPP, intellectual property, law on Intellectual Property.

* Corresponding author.

E-mail address: queanhthu@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4236>



Tác động của các quy định về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đối với việc hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam

Nguyễn Thị Quế Anh*, Nguyễn Bích Thảo

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 05 tháng 8 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 9 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 9 năm 2019

Tóm tắt: Chương Sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đặt ra nhiều nghĩa vụ mới cho Việt Nam, đòi hỏi pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam phải được sửa đổi một cách toàn diện để thực thi các điều khoản trong Chương này. Bài viết phân tích các điều khoản sở hữu trí tuệ trong CPTPP, đối chiếu với pháp luật Việt Nam hiện hành và với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ vừa được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2019 để chỉ ra những điểm tương thích và những điểm cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Từ khóa: CPTPP, sở hữu trí tuệ, Luật Sở hữu trí tuệ.

1. Tổng quan về Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một hiệp định thương mại tự do được ký kết giữa các quốc gia Úc, Brunei, Canada, Chi lê, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam. CPTPP kế thừa phần

lớn những điều khoản của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã được ký ngày 04 tháng 2 năm 2016 nhưng chưa có hiệu lực do Hoa Kỳ rút khỏi hiệp định. Vào tháng 5 năm 2017, 11 thành viên còn lại của TPP đã đồng ý khởi động lại hiệp định thương mại này. Tháng 1 năm 2018, các quốc gia đã đạt được thỏa thuận ký kết CPTPP và lễ ký được tổ chức vào ngày 8 tháng 3 năm 2018 tại Santiago, Chi Lê. Mặc dù Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định, CPTPP vẫn là một trong những hiệp định thương mại tự do lớn nhất trên thế giới, có phạm vi thị trường khoảng 500 triệu dân và chiếm gần 13.5% GDP toàn cầu.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: queanhthu@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4236>

Điểm khác biệt giữa Hiệp định CPTPP so với TPP thể hiện ở hai khía cạnh chủ yếu[1]: Thứ nhất, CPTPP liệt kê những phần được tạm hoãn của TPP (Điều 2); nhìn chung đó là những điều khoản mà Hoa Kỳ mong muốn nhưng lại bị các quốc gia khác phản đối. Những phần được tạm hoãn chủ yếu nằm trong các chương về đầu tư và sở hữu trí tuệ của TPP. Tuy nhiên, toàn bộ những điều khoản còn lại của TPP đã được kế thừa trong CPTPP và được giữ nguyên vẹn (Điều 1). Thứ hai, CPTPP bao gồm những điều khoản mới xử lý chủ yếu vấn đề phê chuẩn, rút khỏi và tham gia hiệp định. Đặc biệt, CPTPP điều chỉnh thời điểm và cách thức hiệp định có hiệu lực. Cụ thể, Hiệp định quy định rằng “ít nhất 6 hoặc ít nhất 50%” các nước ký kết phải phê chuẩn hiệp định thì Hiệp định mới có hiệu lực và định mức được áp dụng sẽ là “định mức nào nhỏ hơn” (Điều 3). Việt Nam phê chuẩn CPTPP ngày 12/11/2018 và Hiệp định này chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019.

2. Các điều khoản về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và tác động tới pháp luật Việt Nam

2.1. Khái quát về chương Sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Chương Sở hữu trí tuệ trong CPTPP là chương có nhiều cam kết chưa được quy định hoặc vượt quá phạm vi quy định của pháp luật Việt Nam. Do vậy, để thực hiện chương này đòi hỏi Việt Nam phải xem xét và sửa đổi đáng kể Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ nhất, CPTPP yêu cầu các nước thành viên phải ban hành Luật Sở hữu trí tuệ quy định mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn mức quy định trong pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mức bảo hộ cao hơn liên quan đến mở rộng đối tượng được bảo hộ như dữ liệu thử nghiệm và dữ liệu khác về nông hoá phẩm, bảo hộ dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự chỉ dẫn địa lý;

cho phép nộp đơn đăng ký bảo hộ bằng phương thức điện tử; tăng cường minh bạch thông tin về xử lý đơn yêu cầu bảo hộ và thiết lập cơ chế bảo vệ chống lại các hành vi vi phạm, bao gồm những vi phạm trong môi trường số.

Thứ hai, về chế tài trong trường hợp vi phạm, bên cạnh các chế tài dân sự, hành chính, Hiệp định CPTPP còn yêu cầu các nước thành viên phải quy định chế tài hình sự đối với một số hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như cố ý giả mạo nhãn hiệu hàng hóa hoặc quyền tác giả, sao chép bất hợp pháp tác phẩm điện ảnh,... thậm chí không trên quy mô thương mại.

Thứ ba, về các biện pháp hải quan đối với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Hiệp định CPTPP có một số quy định yêu cầu thực hiện các biện pháp hải quan nghiêm ngặt hơn các quy định hiện hành của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn. Ví dụ, cơ quan hải quan phải có quyền mặc nhiên kiểm soát đối với hàng hoá xuất khẩu, quá cảnh có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (không cần yêu cầu từ chủ thể quyền).

Mặt khác, CPTPP thông qua một loạt những quy định tạm hoãn, đã giới hạn đáng kể những khía cạnh quan trọng của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong Chương 18 của TPP như sau:

Thứ nhất, CPTPP tạm hoãn Điều 18.37(2), điều khoản mở rộng “các đối tượng có thể được cấp bằng sáng chế” đến những sản phẩm đã biết nhưng có công dụng mới, phương pháp sử dụng mới hoặc quy trình sử dụng mới. Việt Nam cũng không cần ban hành luật hoặc quy định mở rộng phạm vi của sáng chế đến những sáng chế bắt nguồn từ thực vật (do CPTPP tạm hoãn Điều 18.37(4)).

Thứ hai, TPP đã quy định nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc kéo dài thời hạn bảo hộ sáng chế khi cơ quan cấp bằng sáng chế đã tạo ra “sự trì hoãn không hợp lý hoặc không cần thiết” trong việc cấp bằng sáng chế (theo Điều 18.46) hoặc có một sự “trì hoãn không hợp lý hoặc không cần thiết” trong việc cấp giấy phép lưu hành được phẩm là đối tượng bảo hộ của bằng sáng chế (theo Điều 18.48).

CPTPP tạm hoãn cả hai nghĩa vụ trên và do vậy Việt Nam không phải thực hiện nghĩa vụ ban hành ngay luật hoặc quy định cho phép khả năng điều chỉnh thời hạn bảo hộ sáng chế.

Thứ ba, CPTPP tạm hoãn quy định về bảo vệ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật trong Điều 18.50 của TPP. TPP yêu cầu một quốc gia thành viên quy định một thời hạn bảo vệ dữ liệu ít nhất là 5 năm khi yêu cầu chủ sở hữu bằng sáng chế của một dược phẩm mới cung cấp dữ liệu cho mục đích xin giấy phép lưu hành dược phẩm lần đầu tiên. Nếu không thể dựa vào những dữ liệu này, các nhà sản xuất sau này bắt buộc phải lặp lại các thử nghiệm lâm sàng thường kéo dài và tốn kém để được cấp giấy phép lưu hành dược phẩm lần đầu tiên. Hiện tại Việt Nam không có nghĩa vụ phải ban hành luật hoặc quy định về bảo vệ dữ liệu này.

Thứ tư, CPTPP tạm hoãn toàn bộ quy định trong việc bảo vệ sinh phẩm (theo Điều 18.51 của TPP). Sinh phẩm là thuốc được tạo ra từ những sinh vật sống và TPP đã mở rộng vượt quá quy định pháp luật của nhiều quốc gia khi yêu cầu bảo vệ cho sinh phẩm. Việt Nam hiện tại không có nghĩa vụ phải thông qua luật hoặc quy định liên quan đến sinh phẩm.

Thứ năm, CPTPP tạm hoãn Điều 18.36 của TPP - điều khoản quy định thời hạn bảo hộ quyền tác giả là 70 năm sau khi tác giả qua đời. Việt Nam chỉ cần đáp ứng yêu cầu như một thành viên WTO theo Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, trong đó yêu cầu thời hạn bảo hộ quyền tác giả là ít nhất 50 năm sau khi tác giả qua đời.

Thứ sáu, Việt Nam sẽ không còn phải thực hiện nghĩa vụ phát triển một hệ thống “các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền” (do CPTPP tạm hoãn Điều 18.68). Việt Nam cũng sẽ không phải quy định sự bảo hộ rộng hơn cho “thông tin quản lý quyền” (do CPTPP tạm hoãn Điều 18.69). Đây là thông tin xác định một tác phẩm có bản quyền, chủ sở hữu bản quyền, và chỉ ra cả các điều khoản và điều kiện sử dụng những tác phẩm đó, nếu có.

Thứ bảy, CPTPP tạm hoãn Điều 18.79 của TPP. Theo đó, Việt Nam sẽ không phải ban

hành luật hoặc điều khoản để bảo hộ rộng hơn cho tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa và tín hiệu chương trình cáp, ví dụ như dịch vụ truyền hình trả tiền.

Thứ tám, CPTPP tạm hoãn Điều 18.82 của TPP, theo đó, Việt Nam hiện tại không có nghĩa vụ ban hành quy định về nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ Internet khi có sự vi phạm bản quyền trực tuyến.

Mặc dù nhiều quy định về sở hữu trí tuệ trong TPP đã được tạm hoãn bởi CPTPP, chương Sở hữu trí tuệ trong CPTPP vẫn đưa ra những tiêu chuẩn rất cao và chi tiết về sở hữu trí tuệ so với các hiệp định thương mại trước đó.

2.2. Nghĩa vụ về sở hữu trí tuệ của Việt Nam theo CPTPP và lộ trình thực thi

Chương Sở hữu trí tuệ trong CPTPP bao gồm khá nhiều nghĩa vụ mới đối với Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu trong chương này, hệ thống pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ của Việt Nam phải có những sửa đổi nhất định để phù hợp với các nghĩa vụ quy định trong Chương. Theo lộ trình mà Chính phủ đưa ra trong Quyết định số 121/QĐ-TTg về phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP ngày 24/01/2019, trong nội dung công việc về xây dựng pháp luật, thể chế, đối với riêng Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học Công nghệ phải hoàn thiện các Tờ trình về dự án luật, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi trong năm 2021 và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phải hoàn thiện Tờ trình phê chuẩn các hiệp ước quốc tế trong năm 2022. Để trước mắt đáp ứng một số yêu cầu theo quy định của Hiệp định CPTPP, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Thông báo số 1926/TB-SHTT ngày 01/02/2019 về việc áp dụng một số quy định tại Hiệp định CPTPP. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với Bộ Công thương đã gấp rút xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ để thực thi CPTPP theo trình tự, thủ tục rút gọn. Ngày 14/6/2019, Quốc hội đã thông qua dự án Luật này. Tuy nhiên, Luật này chỉ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Sở hữu trí tuệ nhằm nội luật hóa các nghĩa vụ mà Việt Nam phải thực hiện ngay từ ngày 14/1/2019. Để thực hiện các nghĩa vụ còn lại, từ nay đến năm 2022, Luật Sở hữu trí tuệ sẽ cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung.

2.2.1. Nhân hiệu

Về điều kiện bảo hộ nhân hiệu, Điều 18.18 của CPTPP cấm các nước thành viên quy định rằng nhân hiệu phải là dấu hiệu nhìn thấy được bằng mắt như một điều kiện để đăng ký nhân hiệu, và cấm từ chối đăng ký nhân hiệu là một âm thanh đơn thuần. Ngoài ra, mỗi nước thành viên phải nỗ lực để cho phép đăng ký nhân hiệu mùi hương. Theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), một trong những điều kiện bắt buộc để nhân hiệu được bảo hộ là nhân hiệu đó phải là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc. Như vậy, phạm vi nhân hiệu được bảo hộ theo pháp luật Việt Nam hẹp hơn so với yêu cầu của CPTPP (không bảo hộ nhân hiệu âm thanh, nhân hiệu mùi hương). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 (sau đây gọi là “Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019”) vẫn giữ nguyên quy định này. Theo lộ trình, Việt Nam sẽ phải sửa đổi điều kiện bảo hộ nhân hiệu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực. Do đó, trong tương lai, Luật Sở hữu trí tuệ vẫn phải tiếp tục được nghiên cứu sửa đổi để mở rộng phạm vi các nhân hiệu được bảo hộ sang các dấu hiệu không nhìn thấy được, đặc biệt là nhân hiệu âm thanh.

Việc mở rộng phạm vi nhân hiệu được bảo hộ sang nhân hiệu không nhìn thấy được không chỉ nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam theo CPTPP, mà còn xuất phát từ thực tiễn kinh doanh và xu hướng chung của pháp luật nhân hiệu trên thế giới. Hình thức thể hiện của nhân hiệu trong thế giới hiện đại ngày càng phong phú, đa dạng, sáng tạo; do đó, các chủ thể kinh doanh có nhu cầu được bảo hộ đối với cả các dấu hiệu không nhìn thấy được nhưng có khả năng phân biệt sản phẩm, dịch vụ của họ với

sản phẩm, dịch vụ của các chủ thể khác. Có thể nêu một số ví dụ về nhân hiệu âm thanh được bảo hộ và sử dụng rộng rãi trên thế giới như: Tiếng gầm của sư tử mở đầu cho phim của hãng MGM (Hoa Kỳ), tiếng chuông điện thoại mặc định của hãng NOKIA (Phần Lan), tiếng sấm rền của hãng mô tô Harley - Davidson (Hoa Kỳ) hoặc bốn nốt nhạc lên xuống trầm bổng của hãng dược phẩm HISAMITSU (Nhật Bản)... [2] Pháp luật một số quốc gia (Mỹ, Ba Lan, Đức) có những quy định trực tiếp cho phép đăng ký và bảo hộ nhân hiệu âm thanh, còn pháp luật Liên bang Nga cũng có những quy định cụ thể về yêu cầu đối với đơn, trình tự, thủ tục đánh giá khả năng phân biệt của nhân hiệu âm thanh [3; 106].

Về đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhân hiệu (hợp đồng li xăng nhân hiệu), Điều 18.27 của CPTPP quy định các nước thành viên không được yêu cầu đăng ký việc chuyển quyền sử dụng nhân hiệu để (1) xác lập hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng và (2) là điều kiện để xem việc sử dụng của bên nhận chuyển quyền là việc sử dụng của chủ sở hữu nhân hiệu trong thủ tục xác lập, duy trì và thực thi quyền đối với nhân hiệu. Về điểm này, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) chưa có sự tương thích [4; 36]. Khoản 2 Điều 148 Luật Sở hữu trí tuệ quy định hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp chỉ có hiệu lực nếu được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Do đó, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã sửa đổi quy định này: đối với nhân hiệu, hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các bên mà không phải đăng ký, và hợp đồng sử dụng nhân hiệu cũng không phải đăng ký để có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba.

Việc xóa bỏ yêu cầu đăng ký hợp đồng li xăng nhân hiệu là phù hợp với thông lệ quốc tế. Điều này đã được Hiệp hội nhân hiệu quốc tế (INTA) khuyến nghị từ năm 1995 bởi kết quả nghiên cứu của Hiệp hội này cho thấy việc tuân thủ các yêu cầu đăng ký li xăng nhân hiệu dẫn đến sự phiền hà, bất tiện, tốn kém chi phí, thời gian một cách bất hợp lý, cản trở các giao dịch

li xăng nhãn hiệu, hơn nữa còn có thể ảnh hưởng đến tính bảo mật của hợp đồng li xăng [5]. Vì vậy, để thúc đẩy hoạt động li xăng nhãn hiệu, tăng cường thương mại hóa nhãn hiệu, giảm chi phí giao dịch, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, cần tôn trọng tự do ý chí của các bên bằng cách quy định hợp đồng li xăng nhãn hiệu có hiệu lực theo thỏa thuận của các bên.

2.2.2. Chi dẫn địa lý

Điều 18.32.1 của CPTPP đặt ra nghĩa vụ cho các nước thành viên phải quy định cho phép từ chối hoặc hủy bỏ bảo hộ hoặc công nhận chỉ dẫn địa lý dựa trên cơ sở (a) chỉ dẫn địa lý *có khả năng gây nhầm lẫn* với một nhãn hiệu là đối tượng đang chờ đăng ký ở Việt Nam hoặc (b) chỉ dẫn địa lý *có khả năng gây nhầm lẫn* với một nhãn hiệu đang được bảo hộ ở Việt Nam. Như vậy, trong trường hợp có sự xung đột giữa chỉ dẫn địa lý đang được đề nghị bảo hộ với nhãn hiệu đang chờ xác lập quyền hoặc đã được xác lập quyền ở Việt Nam, chỉ dẫn địa lý sẽ không được bảo hộ khi chỉ cần nó *“có khả năng gây nhầm lẫn”* với nhãn hiệu đó mà không nhất thiết phải *“gây nhầm lẫn”* trên thực tế. Trong khi đó, khoản 3 Điều 80 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) chỉ quy định chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ khi nó *“trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm”*. Như vậy, quy định này chưa tương thích với Điều 18.31.1 của CPTPP. Do đó, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã sửa đổi khoản 3 Điều 80 theo hướng chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ nếu nó *“trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ hoặc đã được nộp theo đơn đăng ký nhãn hiệu có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa;”*.

Theo Điều 18.32.5 của CPTPP, trường hợp một nước thành viên bảo hộ hoặc công nhận dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự của chỉ

dẫn địa lý theo thủ tục hành chính thì thủ tục đó và cơ sở của việc bảo hộ phải tương đương hoặc trùng với thủ tục và cơ sở áp dụng cho chỉ dẫn địa lý thông thường. Quy định này đặt ra nghĩa vụ bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở phạm vi rộng hơn, và có ý nghĩa quan trọng đối với các chỉ dẫn địa lý xuất phát từ các quốc gia không sử dụng hệ thống chữ cái Latinh trong ngôn ngữ của họ. Trong Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành của Việt Nam năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng như trong Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 không có quy định bảo hộ dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý. Hiện tại, theo Thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ số 1926/TB-SHTT ngày 01/2/2019 về việc áp dụng một số quy định của Hiệp định CPTPP, các đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý ở dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự được nộp kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực được xử lý như đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý thông thường.

Theo Điều 18.34 của CPTPP, một thành phần riêng lẻ của một thuật ngữ đa thành phần được bảo hộ dưới dạng chỉ dẫn địa lý sẽ không được bảo hộ khi thành phần riêng lẻ đó là tên gọi chung của hàng hóa có liên quan. Ví dụ, Gouda được coi là tên gọi chung của hàng hóa (phô mai Gouda) và không được bảo hộ riêng, nhưng các thuật ngữ đa thành phần như Noord-Hollandse Gouda hay Gouda Holland vẫn được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý [6]. Đây là một điểm mới của CPTPP so với quy định của các hiệp định thương mại trước đó về sở hữu trí tuệ (chẳng hạn như Hiệp định TRIPS) [7]. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định về vấn đề này kể cả trong Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019. Hiện tại, theo Thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ số 1926/TB-SHTT ngày 01/2/2019 về việc áp dụng một số quy định của Hiệp định CPTPP, đối với các đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được nộp kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực, khi đánh giá chỉ dẫn địa lý là thuật ngữ đa thành phần, trong đó có thành phần được xác định là đã trở thành tên gọi chung của hàng hóa

tại Việt Nam, thì khi chấp nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý đó, phải loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ (không bảo hộ riêng) đối với thành phần đó.

2.2.3. Sáng chế

Điều 18.38 của CPTPP đặt ra nghĩa vụ: mỗi nước thành viên phải bỏ qua các thông tin đã được bộc lộ công khai về sáng chế trong vòng 12 tháng trước khi nộp đơn được thực hiện bởi người nộp đơn sáng chế hoặc người có được thông tin trực tiếp hay gián tiếp từ người nộp đơn sáng chế khi xác định sáng chế có tính mới hay có trình độ sáng tạo hay không. Khoảng thời gian này thường được gọi là thời gian “ân hạn”. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành chỉ quy định khoảng thời gian ân hạn này là 6 tháng (khoản 3 Điều 60), gây bất lợi cho các nhà sáng chế nếu trước đó họ đã công bố sáng chế của mình dưới dạng báo cáo khoa học hoặc tham dự triển lãm quốc gia, quốc tế và sau đó không kịp nộp đơn đăng ký sáng chế trong thời hạn 6 tháng. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã điều chỉnh khoản 3 Điều 60 để tương thích với Điều 18.38 của CPTPP như sau: “Sáng chế không bị coi là mất tính mới nếu được người có quyền đăng ký hoặc người có được thông tin về sáng chế một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người đó bộc lộ công khai với điều kiện đơn đăng ký sáng chế được nộp tại Việt Nam trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày bộc lộ”. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 còn bổ sung khoản 4 Điều 60 để làm rõ trường hợp sáng chế được bộc lộ trong đơn đăng ký sở hữu công nghiệp hoặc văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp công bố trong trường hợp việc công bố không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc đơn do người không có quyền đăng ký nộp, thì thông tin bộc lộ đó cũng không được sử dụng để xác định tính mới của sáng chế. Đồng thời, Điều 61 Luật Sở hữu trí tuệ cũng được bổ sung quy định: “Giải pháp kỹ thuật là sáng chế được bộc lộ theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 của Luật này không được lấy làm cơ sở để đánh giá trình độ sáng tạo của sáng chế đó”.

Các quy định trên của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 giúp người nộp đơn sáng chế có thêm thời gian để cân nhắc các lợi ích của đăng ký sáng chế và hoàn thiện hồ sơ đăng ký sáng chế và rất có lợi cho các nhà khoa học, bởi sau khi nghiên cứu thành công các công trình, họ thường vội công bố trên các tạp chí quốc tế danh tiếng rồi mới đăng ký sáng chế dẫn đến có thể làm mất tính mới của sáng chế [8].

2.2.4. Dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu bí mật khác

Bảo hộ dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa được bộc lộ là một vấn đề quan trọng được CPTPP nhấn mạnh. Điều 18.47 của CPTPP yêu cầu mỗi nước thành viên cam kết bảo hộ dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu bí mật khác liên quan đến tính an toàn và hiệu quả của nông hóa phẩm được nộp cho cơ quan có thẩm quyền như là một điều kiện để cấp phép lưu hành cho một nông hóa phẩm mới. Cụ thể là nước thành viên đó không được cho phép người thứ ba (mà không được sự đồng ý của người đã nộp dữ liệu) đưa ra thị trường sản phẩm trùng hoặc tương tự dựa trên những dữ liệu đó hoặc dựa trên việc cấp phép lưu hành cho người nộp dữ liệu thử nghiệm trước đó trong thời hạn ít nhất là 10 năm kể từ ngày cấp phép lưu hành nông hóa phẩm mới trong lãnh thổ của quốc gia đó.

Việc bảo hộ dữ liệu thử nghiệm là nhu cầu thiết yếu của các nhà sản xuất nông hóa phẩm vì để có được dữ liệu thử nghiệm đáp ứng yêu cầu, các nhà sản xuất phải đầu tư rất lớn về thời gian, tài chính, trí tuệ, nhân lực, trang thiết bị... Khi nộp dữ liệu thử nghiệm cho cơ quan quản lý nhà nước, họ mong muốn có được độc quyền trong thời hạn nhất định đối với dữ liệu này để tránh tình trạng các nhà sản xuất sau có thể xin cấp phép lưu hành sản phẩm và sản xuất ra sản phẩm mà không phải thử nghiệm lại.

Trong khi đó, Điều 128 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành mặc dù có quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm nhưng ở mức độ thấp hơn so với nghĩa vụ trong CPTPP. Luật chỉ quy định việc bảo hộ dữ liệu thử nghiệm như một

nghĩa vụ của cơ quan có thẩm quyền khi người nộp đơn đăng ký có yêu cầu mà không coi những dữ liệu này là đối tượng được bảo hộ[9]. Mục đích bảo vệ cũng chỉ giới hạn ở việc ngăn không cho các dữ liệu đó bị sử dụng nhằm mục đích thương mại không lành mạnh và không bị bộc lộ, và thời hạn bảo hộ chỉ là 5 năm (bằng một nửa thời hạn bảo hộ theo quy định của CPTPP). Do đó, cần sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ về cách thức và thời hạn bảo hộ dữ liệu đối với nông hóa phẩm theo hướng phù hợp với CPTPP. Lộ trình thực hiện cam kết này đối với Việt Nam là 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

2.2.5. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

CPTPP đặt ra những chuẩn mực rất cao về thực thi quyền sở hữu trí tuệ; trong số đó, có những nghĩa vụ đòi hỏi Việt Nam phải sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ và các luật khác có liên quan như Luật Hải quan, Bộ luật Hình sự để đáp ứng yêu cầu của CPTPP. Điều 18.71 của CPTPP quy định chung về nghĩa vụ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, trong đó yêu cầu mỗi nước thành viên phải bảo đảm các trình tự, thủ tục thi hành các biện pháp xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong đó phải bao gồm các biện pháp khắc phục nhanh trong một số trường hợp và phải đủ để ngăn ngừa những hành vi xâm phạm khác có thể xảy ra trong tương lai. Điều này cũng yêu cầu mỗi nước thành viên phải áp dụng các trình tự, thủ tục thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo cách thức tránh tạo ra những rào cản đối với thương mại hợp pháp cũng như chống lại việc lạm dụng thủ tục. Khoản 3 Điều 18.71 yêu cầu mỗi nước thành viên phải cam kết các trình tự, thủ tục liên quan đến việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải thể hiện tính công bằng và bình đẳng. Các trình tự, thủ tục này không cần thiết phải quá phức tạp và tốn kém hay phát sinh thêm các quy định về thời hạn hoặc các trường hợp trì hoãn không thỏa đáng. Tùy theo mức độ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, mỗi nước thành viên phải áp dụng các biện pháp khắc phục và chế tài phù hợp, đảm bảo lợi ích của bên thứ ba.

Điều 18.73 đặt ra các yêu cầu về tính minh bạch trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Theo đó, mỗi nước thành viên phải quy định rằng các phán quyết tư pháp và quyết định hành chính liên quan đến việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ phải được ban hành thành văn bản, trong đó giải thích cụ thể các luận cứ, lập luận và căn cứ pháp lý cho các phán quyết và quyết định đó và phải được phát hành hoặc công bố rộng rãi ra công chúng dưới mọi hình thức để cho các đối tượng và cá nhân hữu quan nắm rõ. Về nghĩa vụ này, mặc dù Việt Nam đã công bố các bản án của tòa án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao, nhưng không có cơ sở dữ liệu riêng cho các bản án, quyết định của tòa án về sở hữu trí tuệ. Các bản án, quyết định được công bố chỉ ở dưới dạng scan bản gốc nên không thuận tiện cho việc tìm kiếm theo từ khóa, theo các tiêu chí tìm kiếm nâng cao. Các quyết định hành chính về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn chưa được công bố. Do đó, để thực thi nghĩa vụ của Việt Nam về vấn đề này, trong thời gian tới cần hoàn thiện cách thức công bố bản án và tiến tới công bố các quyết định hành chính về sở hữu trí tuệ.

Điều 18.74 đặt ra các nghĩa vụ chi tiết cho các nước thành viên liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự. Để thực thi quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả, pháp luật phải có các chế tài đủ mạnh đối với hành vi xâm phạm. Về chế tài bồi thường thiệt hại, Điều 18.74.4 quy định tòa án phải có thẩm quyền xem xét bất kỳ phương pháp xác định thiệt hại nào mà chủ thể quyền đề xuất, trong đó có thể bao gồm lợi nhuận bị mất, giá trị hàng hóa, dịch vụ bị xâm phạm thông qua giá thị trường hay giá bán lẻ đề nghị. Trong khi đó, khoản 1 Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành của Việt Nam chỉ quy định hai căn cứ để tòa án quyết định mức bồi thường thiệt hại. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã khắc phục điểm chưa tương thích này bằng việc bổ sung một căn cứ nữa là “thiệt hại vật chất theo các cách tính khác do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật”.

Điều 18.74.6 và Điều 18.74.7 CPTPP quy định cụ thể: trong các vụ kiện dân sự liên quan

đến hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc các quyền khác liên quan đến bảo hộ các tác phẩm, bản ghi âm và các chương trình biểu diễn, và trong các vụ kiện về giả mạo nhãn hiệu, mỗi nước thành viên phải quy định về các khoản tiền bồi thường thiệt hại đã được xác định trước (*pre-established damages*) tùy theo sự lựa chọn của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; hoặc khoản bồi thường thiệt hại bổ sung (*additional damages*), bao gồm cả các khoản bồi thường mang tính chất trừng phạt, răn đe (*punitive damages*, hay *exemplary damages*). Khoản bồi thường thiệt hại bổ sung do tòa án quyết định có xem xét đến tính chất của hành vi xâm phạm và nhu cầu ngăn ngừa các hành vi xâm phạm tương tự xảy ra trong tương lai. Quy định này có ý nghĩa rất quan trọng bởi trong nhiều trường hợp, việc chứng minh thiệt hại thực tế trong vụ kiện về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là rất khó khăn. Pháp luật nhiều nước đã có quy định về bồi thường thiệt hại xác định trước (hay còn gọi là bồi thường thiệt hại theo luật định – *statutory damages*) trong trường hợp khó xác định thiệt hại. Mức bồi thường theo luật định và mức bồi thường bổ sung phải đủ lớn để bảo đảm tính răn đe. Ví dụ, theo pháp luật Hoa Kỳ, mức bồi thường thiệt hại do luật định đối với vi phạm bản quyền tối thiểu là 750 USD trên 1 tác phẩm và tòa án có thể quyết định tới mức 30.000 USD trên 1 tác phẩm; nếu là vi phạm cố ý thì mức này tối đa là 150.000 USD trên 1 tác phẩm [10]. Điều 68 Dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật Sáng chế Trung Quốc cũng quy định tăng mức bồi thường thiệt hại luật định tối đa do xâm phạm quyền đối với sáng chế từ 1 triệu nhân dân tệ lên 5 triệu nhân dân tệ và tăng mức bồi thường mang tính trừng phạt (tối đa gấp 5 lần mức thiệt hại thực tế) đối với hành vi xâm phạm cố ý [11]. Trong khi đó, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam chưa có quy định về bồi thường thiệt hại định trước và bồi thường thiệt hại bổ sung. Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ chỉ quy định một cách chung chung là mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định nhưng không quá 500 triệu đồng, và không có quy định về việc tòa án có quyền tăng mức bồi thường đối

với hành vi xâm phạm cố ý. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định này cho phù hợp.

Điều 18.74.10 đặt ra nghĩa vụ mỗi nước thành viên phải quy định rằng trong các trường hợp cần thiết, căn cứ theo kết luận của các vụ án dân sự liên quan đến hành vi xâm phạm, ít nhất là xâm phạm quyền tác giả hoặc các quyền liên quan, sáng chế và nhãn hiệu, tòa án phải có thẩm quyền yêu cầu bên thắng kiện trả cho bên thua kiện chi phí tòa án lệ phí và phí luật sư hợp lý, hoặc bất kỳ các chi phí nào khác theo quy định pháp luật của nước đó. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành mới chỉ quy định tại khoản 3 Điều 205 là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu Tòa án buộc tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư, chứ chưa có quy định ngược lại đối với bên bị đơn. Tòa án xác định là không xâm phạm. Để thực thi nghĩa vụ tại Điều 18.74.10, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã bổ sung khoản 4 Điều 198 như sau “Tổ chức, cá nhân là bị đơn trong vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu được Tòa án kết luận là không thực hiện hành vi xâm phạm có quyền yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn thanh toán cho mình chi phí hợp lý để thuê luật sư hoặc các chi phí khác theo quy định của pháp luật.” Tuy nhiên, quy định được bổ sung này còn vượt quá yêu cầu của Điều 18.74.10 khi áp dụng cho tất cả các vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong khi CPTPP chỉ yêu cầu áp dụng cho các vụ kiện về xâm phạm quyền tác giả hoặc các quyền liên quan, sáng chế và nhãn hiệu và chỉ trong những trường hợp cần thiết hay thích hợp. Quy định này dẫn đến rủi ro lớn cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ khi khởi kiện vụ án dân sự tại tòa án về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và bị Tòa án bác yêu cầu, và Luật cần đặt ra những giới hạn hoặc tiêu chí nhất định về quyền yêu cầu nguyên đơn thanh toán phí luật sư trong trường hợp bị đơn thắng kiện, chứ không thể áp dụng trong mọi trường hợp.

Điều 18.74.14 đặt ra nghĩa vụ cho mỗi nước thành viên phải ban hành các quy định cho phép tòa án trong vụ kiện về xâm phạm quyền sở hữu

trí tuệ thuộc thẩm quyền của tòa án được áp dụng chế tài đối với các đương sự, luật sư, người giám định và những người khác vi phạm lệnh của tòa án về bảo mật thông tin được cung cấp hay trao đổi trong quá trình tố tụng. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định về thẩm quyền ban hành lệnh bảo vệ bí mật thông tin tố tụng và cũng không quy định chế tài, thẩm quyền áp dụng chế tài đối với các vi phạm bảo mật thông tin trong tố tụng [4; tr55]. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự để quy định thêm về thẩm quyền này của tòa án trong vụ kiện về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 18.74.15 quy định mỗi nước thành viên phải bảo đảm rằng các cơ quan tư pháp có thẩm quyền buộc bên đã đưa ra yêu cầu thực hiện các biện pháp chế tài và đã lạm dụng các thủ tục thực thi liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ phải bồi thường cho bên bị áp dụng các biện pháp đó tương ứng với mức độ thiệt hại do sự lạm dụng gây ra, và phải có thẩm quyền buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn các chi phí, trong đó có thể bao gồm cả phí luật sư hợp lý. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành chưa có quy định này. Để thực thi nghĩa vụ tại Điều 18.74.15, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã bổ sung khoản 5 Điều 198 như sau: “Tổ chức, cá nhân lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên lạm dụng thủ tục đó phải bồi thường cho những thiệt hại do việc lạm dụng gây ra, trong đó bao gồm chi phí hợp lý để thuê luật sư. Hành vi lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm hành vi cố ý vượt quá phạm vi hoặc mục tiêu của thủ tục này”.

CPTPP cũng đặc biệt quan tâm đến các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới. Điều 18.76 CPTPP quy định mở rộng thẩm quyền của cơ quan chức năng để có thể mặc nhiên (*ex officio*) tiến hành các thủ tục hải quan với đối tượng là hàng hóa nhập khẩu, tập kết để xuất khẩu, hoặc quá cảnh, và bị nghi ngờ là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hóa sao

chép lậu, nghĩa là cơ quan hải quan có thể tiến hành các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu mà không cần đơn yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Hải quan hiện hành của Việt Nam chỉ quy định về việc tiến hành thủ tục biên giới khi có yêu cầu của chủ thể quyền (Điều 216 Luật Sở hữu trí tuệ), vì vậy chưa tương thích với CPTPP. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019 cũng chưa quy định thẩm quyền mặc nhiên của cơ quan hải quan, mà chỉ bổ sung quy định về nghĩa vụ của cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp hành chính để xử lý đối với hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu (khoản 1 Điều 218 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Về chế tài hình sự, CPTPP yêu cầu các nước thành viên quy định trách nhiệm hình sự đối với rất nhiều hành vi xâm phạm quyền SHTT (các điều 18.77, 18.78, 18.79) như cố ý giả mạo nhãn hiệu, cố ý nhập khẩu/xuất khẩu hàng hóa mang nhãn hiệu giả mạo, sao chép bản quyền hoặc các quyền liên quan trên quy mô thương mại, cố ý tiếp cận trái phép một bí mật kinh doanh được lưu trữ trong hệ thống máy tính, cố ý chiếm đoạt trái phép bí mật kinh doanh, cố ý tiết lộ trái phép bí mật kinh doanh hoặc tiết lộ bí mật kinh doanh mang tính chất gian dối; sản xuất, lắp ráp, chỉnh sửa, xuất/nhập khẩu, bán, cho thuê, hoặc phân phối thiết bị mà mình biết hoặc buộc phải biết rằng thiết bị đó được dùng để hỗ trợ việc giải mã hoặc tiếp nhận tín hiệu vệ tinh hoặc cấp mang chương trình đã được mã hóa... Ngoài các hành vi xâm phạm trực tiếp, CPTPP cũng yêu cầu phải có chế tài hình sự đối với việc giúp sức hoặc xúi giục thực hiện hành vi xâm phạm. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mới chỉ có 2 điều (225 và 226) quy định về Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp với rất ít loại hành vi. Do đó, Bộ luật hình sự cần được sửa đổi, bổ sung để tội phạm hóa các loại

hành vi xâm phạm theo quy định của CPTPP, với lộ trình sửa đổi là 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam.

3. Kết luận và kiến nghị

Hiệp định CPTPP đã, đang và sẽ có tác động mạnh mẽ tới việc hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 mới chỉ là bước đầu để thực thi các nghĩa vụ trước mắt về sở hữu trí tuệ của Việt Nam, trong đó tập trung vào năm nhóm vấn đề lớn, bao gồm: (1) cách thức nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; (2) tăng thời gian ân hạn đối với tính mới và trình độ sáng tạo của sáng chế; (3) không bắt buộc đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu; (4) quy định bổ sung các đối tượng không được bảo hộ dưới danh nghĩa là chỉ dẫn địa lý; (5) tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Trong thời gian tới, để thực thi đầy đủ các nghĩa vụ về sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong CPTPP, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ và các luật khác có liên quan theo hướng sau đây:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ về phạm vi các nhãn hiệu được bảo hộ bao gồm cả các dấu hiệu không nhìn thấy được, đặc biệt là nhãn hiệu âm thanh.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ để quy định rõ về bảo hộ dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý và không bảo hộ thành phần riêng lẻ trong thuật ngữ đa thành phần được bảo hộ dưới dạng chỉ dẫn địa lý nếu thành phần đó đã trở thành tên gọi chung của hàng hóa có liên quan.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ về cách thức và thời hạn bảo hộ dữ liệu thử nghiệm đối với nông hóa phẩm phù hợp với quy định của CPTPP.

Thứ tư, bổ sung vào Luật Sở hữu trí tuệ quy định về bồi thường thiệt hại xác định trước và

bồi thường thiệt hại bổ sung trong vụ kiện về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ năm, sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự để quy định thêm thẩm quyền của tòa án trong việc ban hành lệnh bảo vệ bí mật thông tin trong tố tụng và chế tài, thẩm quyền áp dụng chế tài đối với các vi phạm bảo mật thông tin trong tố tụng trong vụ kiện về xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ sáu, sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Hải quan để quy định cơ quan hải quan có thẩm quyền mặc nhiên trong việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu nhằm thực thi quyền sở hữu trí tuệ mà không cần có đơn yêu cầu của chủ thể quyền.

Thứ bảy, sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự để hình sự hóa các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mà CPTPP yêu cầu phải xử lý về hình sự.

Thứ tám, hoàn thiện cơ chế công bố bản án theo hướng số hóa nội dung bản án thay vì chỉ scan bản gốc để thuận tiện cho việc tra cứu, tìm kiếm và xây dựng cơ sở dữ liệu riêng về bản án, quyết định về sở hữu trí tuệ; đồng thời tiến tới công bố các quyết định hành chính về sở hữu trí tuệ.

Lời cảm ơn

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.18.28 "Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ nhằm thực thi cam kết trong các hiệp định thương mại tự do (FTAs)" do PGS.TS Nguyễn Thị Quế Anh chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] World Bank, Legal Review and Gap Assessment for Vietnam's Implementation of CPTPP, 15 July 2018.
- [2] VPLS Phạm và Liên danh, Tìm hiểu về bảo hộ nhãn hiệu âm thanh.

- <https://www.pham.com.vn/chuyen-muc-binh-luan/tim-hieu-ve-bao-ho-nhan-hieu-am-thanh.htm> (truy cập ngày 23/8/2019).
- [3] Nguyễn Thị Quế Anh, Phân loại nhãn hiệu theo hình thức của nhãn hiệu, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 26 (2010) 99-107.
- [4] Nguyễn Thị Thu Trang (chủ biên), Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) về Sở hữu trí tuệ, NXB Công thương, Hà Nội, 2017.
- [5] International Trademark Association, Board Resolution, Elimination of Mandatory Trademark License Recording Requirements, March 28, 1995. <https://www.inta.org/Advocacy/Pages/EliminationofMandatoryTrademarkLicenseRecordingRequirements.aspx> (truy cập ngày 23/8/2019).
- [6] Commission Regulation (EU) No 1122/2010 of 2 December 2010 entering a designation in the register of protected designations of origin and protected geographical indications [Gouda Holland (PGI)]. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32010R1122> (truy cập ngày 23/8/2019).
- [7] Danny Friedmann, TPP's Coup de Grâce: How the Trademark System Prevailed as Geographical Indication System, in paradigm shift in international economic law rule-making, TPP as a new model for trade agreements? (Julien Chaisse, Henry Gao, and Chang-fa Lo eds). New York: Springer, Series "Economics, Law, and Institutions in Asia Pacific," 2017, 273-291. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3090172.
- [8] Báo Nhân Dân điện tử, Tạo thuận lợi cho các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, ngày 03/8/2019. <https://www.nhandan.com.vn/khoahoc-congnghes/item/41083802-tao-thuan-loi-cho-cac-chu-the-quyen-so-huu-tri-tue.html> (truy cập ngày 23/8/2019).
- [9] Trần Mạnh Hùng, CPTPP - Những điều cần biết trước thềm mùa xuân 2019. <https://baodautu.vn/cptpp---nhung-dieu-can-biet-truoc-them-mua-xuan-2019-d93484.html>.
- [10] Luật bản quyền Hoa Kỳ, 17 U.S.C §504.
- [11] Baker & McKenzie, Proposed Amendments to the Patent Law and Draft IP Provision in the Foreign Investment Law, 12 February 2019. <https://www.bakermckenzie.com/en/insight/publications/2019/01/proposed-amendments-to-the-patent-law> (truy cập ngày 23/8/2019).